TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/DS - PT
Ngày: 06 – 01 – 2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Bà Trương Tố Hương.

Ông Nguyễn Hoàng Thành.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Trung An - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Mã Quế Khanh – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2020/TLPT – DS ngày 18 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2020/DS – ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 214/2020/QĐ – PT ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng CS; địa chỉ: Số 19, phố L, phường H, quận M, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Tấn L, phó G Phòng giao dịch Ngân hàng CS huyện L; địa chỉ nơi làm việc: Ấp B, thị trấn P, huyện L, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 05/01/2021). (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Sơn Thị D, sinh năm 1952; địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lý Quốc C, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Sơn Thị D là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Theo đơn khởi kiện ngày 09/3/2020, cũng như tại phiên Tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng CS trình bày:

Phòng giao dịch Ngân hàng CS huyện L, tỉnh Sóc Trăng có cho bà Sơn Thị D vay vốn theo chương trình cho vay hộ cận nghèo, vay ngày 16/7/2016, ngày đến hạn trả nợ cuối cùng là 13/8/2019, vay số tiền vốn là 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng), lãi suất là 0,66%/tháng. Tính đến ngày 28/9/2020, bà D chỉ mới trả được tiền lãi là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), chưa trả vốn. Do bà D không thanh toán đúng thỏa thuận nên Ngân hàng CS đã chuyển số nợ của bà D sang nợ quá hạn, tính đến ngày 28/9/2020 bà D còn nợ Ngân hàng CS số tiền gốc là 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi tạm tính là 11.650.915 đồng (Mười một triệu sáu trăm năm mươi nghìn chín trăm mười lăm đồng), tổng cộng vốn và lãi là 46.650.915 đồng (Bốn mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn chín trăm mười lăm đồng).

Nay Ngân hàng CS yêu cầu bà Sơn Thị D hoàn trả cho Ngân hàng CS số tiền gốc là 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi tạm tính đến ngày 28/9/2020 là 11.650.915 đồng (Mười một triệu sáu trăm năm mươi nghìn chín trăm mười lăm đồng), tổng cộng vốn và lãi là 46.650.915 đồng (Bốn mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn chín trăm mười lăm đồng) và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đến khi trả xong nợ gốc cho Ngân hàng.

- Tại các lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Sơn Thị D trình bày:

Bà có ký kết hợp đồng vay vốn với Ngân hàng CS – Phòng giao dịch Ngân hàng CS huyện L, theo chương trình cho vay hộ cận nghèo, với số tiền vốn là 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng); lãi suất là: 0,66%/ tháng; vay ngày là 16/7/2016, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 13/8/2019. Thực hiện hợp đồng bà chỉ mới thanh toán được cho Ngân hàng CS số tiền lãi là 1.000.000 đồng, chưa trả được vốn. Khi ký hợp đồng vay vốn thì chỉ có bà sử dụng vốn vay vào nhu cầu cuộc sống riêng của bà không có liên quan đến ông Lý Quốc C.

Nay bà D đồng ý hoàn trả cho Ngân hàng CS số tiền vốn gốc là 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng), riêng đối với số tiền lãi 11.650.915 đồng (Mười một triệu sáu trăm năm mươi nghìn chín trăm mười lăm đồng) thì bà không đồng ý trả lãi, vì Ngân hàng CS cho vay với lãi suất cao. Bà D xin trả dần số tiền gốc 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng) và trả dần mỗi tháng cho đến khi hết nợ.

- Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lý Quốc C:

Kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng, nhưng ông C không có ý kiến phản hồi đối với việc khởi kiện của Ngân hàng CS. Do đó, Tòa án căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

Sự việc đã được Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2020/DS – ST ngày 28/9/2020 đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 11, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng CS. Buộc bị đơn bà Sơn Thị D có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng CS số tiền vốn và lãi vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 46.650.915 đồng (Bốn mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn chín trăm mười lăm đồng). Trong đó, vốn gốc là 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng), tiền lãi là 11.650.915 đồng (Mười một triệu sáu trăm năm mươi nghìn chín trăm mười lăm đồng).

Kể từ ngày 29/9/2020, nếu bà Sơn Thị D chưa thanh toán số tiền trên cho Ngân hàng CS Việt Nam, thì bà D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Ngoài ra, Bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/3/2020, bị đơn bà Sơn Thị D có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2020/DS – ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm theo hướng: Bà chỉ đồng ý trả số tiền vốn vay là 35.000.000 đồng, bà không đồng ý trả số tiền lãi 11.650.915 đồng cho Ngân hàng CS. Lý do: Bà đã chịu lãi cao từ năm 2010 đến năm 2016.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng CS là ông Lê Tấn L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn bà D không thay đổi, bổ sung hoặc rút đơn kháng cáo và cho rằng bà được vay vốn chương trình tạo công ăn việc làm, lãi suất 0,6%/tháng; vào năm 2010, cho vay lại bị Ngân hàng đổi sổ mới trở thành cho vay vốn số tiền 25.000.000 đồng, cho vay kinh doanh, lãi suất 0,9%/tháng là cao hơn trước đây; trong lần vay sau cùng số tiền 35.000.000 đồng, có 25.000.000 đồng tiền vốn và 10.000.000 đồng tiền lãi nhập vào vốn vay, nhưng bà cũng đồng ý với số tiền vốn vay 35.000.000 đồng; các lần ký vay tiền là bà tự nguyện không ai ép buộc.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan đề nghị HĐXX không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bà D và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Tại phiên tòa lần thứ hai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý

Quốc C vắng mặt không rõ lý do; nên HĐXX căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của bà D là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Ngân hàng CS khởi kiện yêu cầu bà D có nghĩa vụ trả tiền vốn vay 35.000.000 đồng và tiền lãi. Bà D thừa nhận có vay vốn tại Ngân hàng CS hội – Phòng giao dịch Ngân hàng CS huyện L và còn thiếu lại số tiền vốn vay 35.000.000 đồng và đồng ý trả cho Ngân hàng CS số tiền này. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bà D cho rằng trong số tiền vay 35.000.000 đồng, có 25.000.000 đồng tiền vốn và 10.000.000 đồng tiền lãi nhập vào vốn vay, nhưng bà không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của bà là có căn cứ và hợp pháp.

[4] Xét kháng cáo của bà D về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm theo hướng: Bà chỉ đồng ý trả số tiền vốn vay là 35.000.000 đồng, bà không đồng ý trả số tiền lãi 11.650.915 đồng cho Ngân hàng CS. Lý do: Bà đã chịu lãi cao từ năm 2010 đến năm 2016. Xét thấy, việc bà D cho rằng bà được vay vốn chương trình tạo công ăn việc làm, lãi suất 0,6%/tháng. Vào năm 2010, cho vay lại bị Ngân hàng CS đổi sổ mới trở thành cho vay vốn số tiền 25.000.000 đồng, cho vay kinh doanh, lãi suất 0,9%/tháng là cao hơn trước đây. Ngoài lời trình bày ra thì bà D không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của bà là có căn cứ và hợp pháp, tức là không có chứng cứ chứng minh trước năm 2010 bà được vay vốn chương trình tạo công ăn việc làm, với lãi suất 0,6%/tháng. Tuy nhiên, khi kháng cáo bà D có gửi kèm theo Sổ vay vốn (Dùng cho hộ gia đình), họ tên người vay là bà Sơn Thị D, cùng người thừa kế là ông Lý Quốc C ký và ghi rõ họ tên (Từ BL số 72 – 75) thể hiện: Ngày 16/5/2010 giải ngân số tiền vay là 25.000.000 đồng, lãi suất 0,9%/tháng, bà D ký tên người vay; đến ngày 16/7/2016 thu gốc 25.000.000 đồng; cùng ngày 16/7/2016 tiếp tục cho vay số tiền 35.000.000 đồng, lãi suất 0,66%/tháng, bà D ký tên người vay. Lãi suất của hai lần vay này là do hai bên tự nguyện thỏa thuận, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 (Tương ứng với khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015). Mặt khác, nếu cho rằng trước năm 2010 giữa bà D với Ngân hàng CS có thỏa thuận cho vay tiền với lãi suất 0,6%/tháng, nhưng đến năm 2010 các bên đã thỏa thuận lại với mức lãi suất là 0,9%/tháng và đến năm 2016 các bên đã thỏa thuận lại với mức lãi suất là 0,66%/tháng; các lần cho vay đều do các bên tự nguyện thỏa thuận, việc thỏa thuận này là phù hợp với quy định của pháp luật như vừa nhận định, nên bà D có nghĩa vụ đối với mức lãi suất của từng lần vay tiền như vừa nêu trên. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà D cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho kháng cáo của bà là có căn cứ và hợp pháp. Chính vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng CS tiền vốn vay 35.000.000 đồng và tiền lãi 11.650.915 đồng là đúng quy định tại khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Từ những phân tích như đã nêu tại mục [4], có đủ cơ sở xác định toàn bộ nội dung kháng cáo của bà D là không có căn cứ, nên không được HĐXX chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Bản án dân sự sơ thẩm được giữ nguyên, nên bà D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, bà D là người cao tuổi nên được miễn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Đối với lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị HĐXX không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bà D và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Sơn Thị D.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2020/DS – ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Án tuyên như sau:

- *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng CS. Buộc bị đơn bà Sơn Thị D có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng CS số tiền vốn và lãi vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 46.650.915 đồng (Bốn mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn chín trăm mười lăm đồng). Trong đó, vốn gốc là 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng), tiền lãi là 11.650.915 đồng (Mười một triệu sáu trăm năm mươi nghìn chín trăm mười lăm đồng).*

- *Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận.*

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Bà Sơn Thị D được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng CS không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Sơn Thị D được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 *(Được sửa đổi, bổ sung năm 2014)*, thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn